

A. GIỚI THIỆU DOANH NGHIỆP

I. VỀ TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CỦA DOANH NGHIỆP

- Thông tin về doanh nghiệp (*tên, địa chỉ, điện thoại liên lạc...*)
- Loại hình doanh nghiệp:
 - Đơn vị chủ quản
 - Giấy phép kinh doanh (*đề nghị nêu số, thời gian cấp, nơi cấp*)
- Ngành nghề kinh doanh:
- Tài khoản giao dịch tại các tổ chức tín dụng:
 - Tài khoản tiền gửi VNĐ (*đề nghị nêu số TK, nơi đặt TK*)
 - Tài khoản tiền gửi ngoại tệ (*loại ngoại tệ, số TK, nơi đặt*)
- Ban Giám đốc (*Tên, năm sinh, chuyên môn nghiệp vụ, thời gian nắm giữ vị trí hiện tại....*)
- Tổng số nhân viên hiện nay (trong toàn doanh nghiệp)
- Các đơn vị trực thuộc: (*Nêu tên các đơn vị trực thuộc, địa bàn hoạt động, ngành nghề sản xuất kinh doanh chính*)

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- Cơ cấu tài sản - nguồn vốn;
- Kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh;

III. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

- Các loại sản phẩm, hàng hóa đang sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp
- Tình trạng thiết bị, máy móc hiện có
- Số lượng, chất lượng sản phẩm chủ yếu, thị trường tiêu thụ
- Tình hình hàng tồn kho (nguyên nhiên vật liệu, sản phẩm dở dang, hàng hoá thành phẩm...)
- Doanh số hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất (trong đó sản lượng sản phẩm chủ yếu là bao nhiêu, doanh thu và kết quả lãi lỗ của từng năm; mức nộp ngân sách qua các năm bằng bao nhiêu, doanh thu, lợi tức)
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

B. GIỚI THIỆU DỰ ÁN ĐẦU TƯ

I. KHÁI QUÁT VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Tổng vốn đầu tư:
 - Vốn cố định hình thành dự án
 - Vốn lưu động cho dự án
- Nguồn vốn đầu tư:
 - Vốn tự có của doanh nghiệp tham gia dự án mới: ghi rõ số tiền, tỷ trọng vốn tự có trong tổng dự toán đầu tư vào dự án.
 - + Vốn bằng tiền:
 - + Vốn bằng hiện vật:

- Nguồn vốn vay/thuê tài chính: ghi rõ tổng số tiền xin vay/thuê tài chính; tỷ trọng vốn vay/thuê tài chính trong tổng dự toán đầu tư, các nguồn vốn vay/thuê tài chính.
- Các nguồn vốn khác (nếu có): ghi rõ số tiền, tỷ trọng trong tổng dự toán đầu tư.

+ Vốn ngân sách cấp (đối tượng đầu tư)

+ Vốn góp liên doanh, phát hành trái khoán, bán cổ phần, vay cán bộ CNV...

- Thời gian đầu tư
- Địa điểm đầu tư
- Tổ chức thực hiện
- Sản phẩm của dự án đầu tư
- Thị trường tiêu thụ: xuất khẩu hay tiêu thụ trong nước, phạm vi thị trường

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ DỰ ÁN

- Tình hình sản xuất hiện tại của doanh nghiệp
- Nhu cầu của thị trường về loại sản phẩm của DADT
- Khả năng tiêu thụ trên thị trường

III. LÝ DO LỰA CHỌN THIẾT BỊ

- Thiết bị nhập khẩu mới hay cũ, tên hãng và nước sản xuất, năm sản xuất
- Thiết bị sản xuất trong nước (nếu có), trị giá
- Công nghệ sản xuất, phân tích tính hiện đại, ưu việt và hạn chế của công nghệ
- So sánh với các dự án tương tự đã đầu tư ở Việt Nam về giá cả thiết bị, chi phí chuyển giao công nghệ, tính hiện đại của công nghệ, chất lượng thiết bị và sản phẩm, chi phí khai thác...

IV. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Quy trình sản xuất

2. Nguồn và khả năng cung cấp đầu vào của sản xuất:

2.1 Nguồn cung vấp nguyên vật liệu cho dự án:

- Các loại nguyên vật liệu chính, các loại nguyên liệu phụ: nguồn cung cấp trong nước hay ngoài nước, Chất lượng và giá cả...

2.2 Nguồn cung cấp điện, nhiên liệu:

- Các giải pháp về nguồn cung cấp điện, cấp nước, thoát nước, nhiên liệu để đảm bảo phát huy hết công suất thiết bị và ổn định lâu dài.
- Xử lý chất thải đối với một số dự án hoá chất, xi măng...

2.3 Nguồn cung cấp lao động:

- Nhu cầu lao động cho dự án mới, trình độ lao động, mức lương tối thiểu....

3. Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

3.1 Xác định nhu cầu thị trường (cầu) hiện tại và tương lai

- Nhu cầu thị trường hiện tại
- Xác định nhu cầu thị trường tiêu thụ trong tương lai khi dự án đi vào hoạt động

3.2 Xác định khả năng cung cấp hiện tại và trong tương lai:

- Xác định các nguồn cung cấp hiện nay:
 - Nguồn cung cấp trong nước
 - Nguồn nhập khẩu
- Xác định nguồn cung cấp trong tương lai:
 - Nguồn cung cấp trong nước
 - Nguồn nhập khẩu: ước tính mức nhập khẩu (căn cứ vào tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm)

3.3 Chính sách tiêu thụ sản phẩm của DADT

- Mạng lưới tiêu thụ
- Thực hiện chế độ chiết khấu, khuyến mại, hậu mãi ...
- Chính sách quảng cáo, giới thiệu sản phẩm

4. Xác định kết quả kinh doanh

- Xác định giá bán bình quân
- Xác định khối lượng sản phẩm tiêu thụ trong năm
- Xác định doanh số tiêu thụ trong năm

V. TÍNH TOÁN HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Xác định chi phí đầu vào theo công suất có thể đạt được:

Chi phí sản xuất được chia thành hai loại:

a. *Chi phí biến đổi (biến phí):* là những chi phí biến động tỷ lệ thuận với khối lượng sản phẩm sản xuất và tiêu thụ. Bao gồm:

- Nguyên vật liệu chính
- Nguyên vật liệu phụ
- Nhiên liệu, điện, nước
- Bao bì đóng gói
- Tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất (Lương khoán sản phẩm)
- Phụ tùng thay thế, vật rẻ tiền mau hỏng
- Lãi vay ngắn hạn Ngân hàng (vay vốn lưu động)
- Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí tiếp thị, quảng cáo
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Thuế doanh thu

Biến phí tính cho một đơn vị sản phẩm

→ Σ **Chi phí biến đổi = Biến phí cho một đơn vị sản phẩm x Sản lượng**

b. *Chi phí cố định (định phí):* Là những chi phí không thay đổi theo sự biến đổi của sản lượng sản xuất và tiêu thụ. Định phí tính chung cho cả năm sản xuất. Bao gồm:

- Khấu hao tài sản cố định
- Chi phí bảo trì, sửa chữa máy móc định kỳ.

- Chi phí thuê mướn đất đai, nhà xưởng
- Tiền lãi vay trung dài hạn/ thuê tài chính
- Chi phí quản lý xí nghiệp (5%)
- Chi phí thành lập doanh nghiệp
- Phí bảo hiểm tài sản cố định và kho nguyên vật liệu, thành phẩm
- Lương công nhân (trường hợp không sản xuất công ty vẫn phải trả lương tối thiểu)
- Lương công nhân học nghề
- Lương gián tiếp, công tác phí (bộ phận lương cố định)
- Các khoản phải trả cố định hàng năm

$$\Sigma \text{ Chi phí hàng năm} = \Sigma \text{ Định phí} + \Sigma \text{ Biến phí}$$

2. Hiệu quả kinh tế của DADT

Năm thứ	Đvt	1	2	3	4	5
I. Công suất thiết bị (%)						
II. Tổng doanh thu						
1. Sản lượng tiêu thụ						
2. Đơn giá bình quân						
III. Tổng chi phí trước thuế						
1. Tổng định phí						
2. Tổng biến phí						
IV. Thuế VAT (III * 10%)						
V. Tổng chi phí sau thuế (III+IV)						
VI. Thu nhập chịu thuế TNDN						
VII. Thuế TNDN						
VIII. Lợi nhuận sau thuế						

3. Nguồn trả nợ của DADT

I. Nguồn trả nợ					
- Từ KHCB					

- Từ lợi nhuận ròng					
II. Nợ gốc, lãi thuê tài chính/ vay					
III. Thừa/ Thiếu (I - II)					
IV. Nguồn vốn khác bù đắp thiếu hụt và trả nợ					

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật dự kiến đạt được:

- Giá trị hiện tại thuần (NPV)
- Thời gian thu hồi vốn đầu tư
- Hệ số hoàn vốn nội bộ của DADT (IRR)

VI. HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN

- Hiệu quả về mặt xã hội
- Hiệu quả về kinh tế

VII. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, AN TOÀN LAO ĐỘNG, PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

VIII. NHỮNG RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

IX. KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN